

Bản án số: 01/2019/KDTM-PT

Ngày 12/3/2019

V/v: " *Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa* "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hồ Loan.

Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Chương.
Ông Ma Hồng Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Vân - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 11,12 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2018/TLPT- KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2018 về “ *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa* ”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số:19/2018/KDTM -ST, ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2019/QĐPT-KDTM, ngày 14/01/2019, giữa:

1.Nguyên đơn: Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ.

Địa chỉ: Ngõ 2, đường QM, tổ 35, phường X, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Minh S- Chức vụ: Tổng giám đốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Quang N- Chức vụ: Cán bộ pháp chế Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ“ được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 29/CV-CT, ngày 30/1/2019”. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT.

Địa chỉ: Xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh phúc

Văn phòng công ty: Nhà số 10, Ngõ 24, đường Nguyễn Tất T, phường LB, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kiều Quang H - Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Tú A, sinh năm 1975 - chức vụ: Cán bộ pháp chế Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT “được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 06/3/2019”. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Trung K - Văn phòng Luật sư HL, Đoàn luật sư Hà Nội.

Địa chỉ: Số 26 TA, phường P, quận Ô, thành phố Hà Nội.; văn phòng giao dịch: Số 01, ngõ 130 An D, Y P, TH, Hà Nội. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, ngày 02/01/2014, Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ (viết tắt là Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ) đã ký hợp đồng số 02/2014/HĐKT-CT với Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT (viết tắt là Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT) về việc mua bán đá vật liệu xây dựng các loại và vận chuyển đá. Sau khi ký hợp đồng Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ đã cung cấp hàng hóa đầy đủ, đúng tiến độ theo hợp đồng. Hai bên đã thực hiện việc đối chiếu công nợ vào các thời điểm: ngày 31/12/2014; ngày 31/12/2015; ngày 31/8/2016, theo kết quả đối chiếu phía Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT xác nhận đến thời điểm ngày 31/8/2016 còn nợ Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ số tiền 511.574.000đ. Sau khi đối chiếu, chốt nợ phía Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền đã chốt nợ.

Để đơn đốc việc thanh toán, trả nợ tiền hàng Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ đã liên hệ đòi nợ rất nhiều lần đồng thời đã gửi 05 văn bản đòi nợ đến Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT qua đường bưu điện cụ thể: Lần 1 vào ngày 27/11/2014; lần 2 vào ngày 11/12/2014; lần 3 vào ngày 26/10/2016; lần 4 vào ngày 23/11/2016; lần 5 vào ngày 17/6/2017. Các lần gửi đều có báo phát trả lại thể hiện phía bị đơn đã nhận được các văn bản đòi nợ nhưng phía bị đơn cố tình không thanh toán số tiền đã chốt nợ cũng không có ý kiến gì bằng văn bản gửi lại công ty.

Trong thời gian Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, ngày 28/11/2017 Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT đã chuyển trả cho Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) trong tổng số tiền mua hàng còn nợ 511.574.000đ. Số tiền mua hàng Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT còn nợ là 411.574.000đ. Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT đã vi phạm quy định tại Điều 4, Điều 5 của hợp đồng số 02/2014/HĐKT-CT ngày 02/01/2014, quá hạn nhiều tháng nhưng không thực hiện cam kết, không thanh toán nợ đúng hạn. Vì vậy phía bị đơn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả

theo mức lãi suất quá hạn do bị đơn chậm trả tiền theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng, thời điểm tính lãi từ ngày 27/2/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể được tính như sau:

- Số tiền của lần xuất hàng ngày 26/01/2014 là 157.080.000đ x lãi suất chậm trả (0,75%/tháng) x lãi suất quá hạn (150%), thời gian chịu lãi 30 ngày (từ 27/02/2014 đến 27/3/2014) = 1.767.150đ.

- Số tiền của lần xuất hàng ngày 27/02/2014 là 94.180.000đ + số tiền còn lại chưa thanh toán 157.080.000đ = 251.260.000đ x lãi suất chậm trả (0,75%/tháng) x lãi suất quá hạn (150%), thời gian chịu lãi 33 ngày (từ 28/3/2014 đến 30/4/2014) = 3.109.343đ.

- Số tiền của lần xuất hàng ngày 31/3/2014 là 223.970.000đ + số tiền còn lại chưa thanh toán 251.260.000đ = 475.230.000đ x lãi suất chậm trả (0,75%/tháng) x lãi suất quá hạn (150%), thời gian chịu lãi 60 ngày (từ 01/5/2014 đến 30/6/2014) = 10.692.675đ.

- Số tiền của lần xuất hàng ngày 31/5/2014 là 36.344.000 + số tiền còn lại chưa thanh toán 475.230.000đ = 511.574.000đ x lãi suất chậm trả (0,75%/tháng) x lãi suất quá hạn (150%), thời gian chịu lãi 1.098 ngày (từ 01/7/2014 đến ngày 19/7/2017) = 210.640.595đ

Tổng tiền hàng chưa thanh toán là 511.574.000đ x lãi suất chậm trả (0,75%/tháng) x lãi suất quá hạn (150%), thời gian chịu lãi 127 ngày (từ 20/7/2017 đến 27/11/2017) = 24.363.712đ.

Ngày 28/11/2017 đã thanh toán 100.000.000đ, số tiền hàng còn lại là 411.574.000đ x lãi suất chậm trả (0,75%/tháng) x lãi suất quá hạn (150%), thời gian chịu lãi 314 ngày (từ 28/11/2017 đến 12/10/2018) = 48.462.838đ.

Tổng cộng: Tiền hàng chưa thanh toán là 411.574.000đ, tiền lãi là 299.036.313đ = 710.610.313đ.

Bị đơn trình bày: Việc mua bán hàng hóa đá vật liệu xây dựng giữa Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ và Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT là không có thật, thực tế Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ lập hợp đồng số 02/2014/HĐKT-CT ngày 02/01/2014 với các điều khoản thỏa thuận về việc mua bán đá vật liệu xây dựng và vận chuyển đá nhưng việc lập hợp đồng không phải để mua bán đá vật liệu xây dựng và vận chuyển đá mà mục đích là để hợp thức hóa việc mua bán hóa đơn. Chữ ký của bà Nguyễn Thị S(khi đó là giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty) trong hợp đồng và các biên bản đối chiếu công nợ là chữ ký khắc dấu, không phải chữ ký trực tiếp. Hợp đồng và các biên bản đối chiếu công nợ đều được lập và ký kết tại Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ, hợp đồng không phải do hai bên trực tiếp ngồi đàm phán ký kết tại Tuyên Quang, bà Nguyễn Thị S không được trực tiếp ký vào bản hợp đồng trên, bà S hoàn toàn không biết về việc ký hợp đồng và chưa bao giờ có mặt tại Tuyên Quang. Dấu tròn của Công ty đã được thay đổi từ thời điểm 25/7/2016

nhưng trong biên bản đối chiếu công nợ năm 2014, 2015 lại sử dụng dấu của thời điểm 2016.

Không có bất kỳ phiếu xuất kho hoặc phiếu giao hàng nào được hai bên xác nhận để làm căn cứ thanh toán (không thực hiện đúng theo điều 3 của hợp đồng). Điều 4 hợp đồng thỏa thuận Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT sẽ chuyển khoản trước cho Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ căn cứ số tiền đã chuyển phía nguyên đơn sẽ cung cấp hàng hóa tương ứng số tiền đã chuyển cho bị đơn. Thực tế bên bị đơn chưa chuyển tiền vì sao bên nguyên đơn lại bán cho bên bị đơn nhiều lần với số lượng hàng trị giá lớn mà không yêu cầu chuyển tiền.

Ngày 28/11/2017 Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT đã chuyển trả cho Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), đây không phải là số tiền thanh toán nợ mua hàng mà là tiền phần trăm mua bán hóa đơn và lệ phí mua bán hóa đơn. Số tiền trên phù hợp với số tiền 20% thuế mà Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ đã xuất bán hóa đơn.

Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ nên không có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền 411.574.000đ cùng khoản tiền lãi như Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ đã yêu cầu. Đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng 02/2014/HĐKT-CT ngày 02/01/2014 vô hiệu do vi phạm điều cấm quy định tại các Điều 123,124 của Bộ luật dân sự. Theo đó hai bên không phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã cam kết với nhau trong hợp đồng.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố W xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ và đưa ra xét xử. Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2018/KDTM - ST ngày 12/10/2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” của Tòa án nhân dân thành phố W, tỉnh Tuyên Quang; Quyết định:

Áp dụng: Điều 30; Điều 147; 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Các Điều 24; 50, 55; 87 của Luật thương mại;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ số tiền 710.610.313đ. Làm tròn số 710.610.000đ (*Bảy trăm mười triệu sáu trăm mười nghìn đồng*). Trong đó tiền gốc là 411.574.000đ, tiền lãi là 299.036.000đ.

Về án phí: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán là 32.424.412đ. Làm tròn số 32.424.000đ (*Ba mươi hai triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng*).

Hoàn trả lại Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.825.200đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N⁰ 0004880 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QT.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi xuất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/10/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhận đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT, đơn ghi ngày 18/ 10/2018, đơn kháng cáo có nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 19/2018/KDTM - ST ngày 12/10/2018 “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” của Tòa án nhân dân thành phố W, tỉnh Tuyên Quang. Lý do không đồng ý toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, có nhiều người làm chứng để xác định có hay không việc mua bán hàng hóa như chị Nguyễn Thị Ngọc B kế toán Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT và kế toán của Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ giai đoạn năm 2014-2016 đã ký các biên bản chốt khối lượng hàng hóa, các lái xe đã chở hàng ký tên vào các phiếu giao hàng, không được tòa án triệu tập với tư cách người làm chứng, không có bản khai. Tòa án sơ thẩm chỉ dựa vào hồ sơ do phía nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết tại tòa án cấp sơ thẩm, cả hai công ty đều đề nghị giám định mẫu dấu của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT nhưng tòa án chỉ căn cứ vào trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn để không giám định là vi phạm tố tụng, phía bị đơn bác bỏ toàn bộ lời khai của ông Hồ Văn P người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại tòa án cấp sơ thẩm. Hợp đồng kinh tế số 02 ngày 02/01/2014 và các biên bản chốt nợ có hai loại con dấu khác nhau, biên bản chốt nợ năm 2014, 2015 nhưng dùng con dấu đã thay đổi năm 2016 để đóng. Công ty Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ đã hợp lý hóa hồ sơ về việc mua bán hàng hóa đơn, thực tế không có việc mua bán hàng hóa như đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Về nội dung: Không có công ty nào mua hàng lại không biết công ty bán cho mình ở đâu, chữ ký trong hợp đồng không phải là chữ ký tươi mà là chữ ký khắc dấu nếu giám đốc ký hợp đồng phải là chữ ký tươi. Phía nguyên đơn thừa nhận hai bên không ký hợp đồng cùng một lúc bên ký trước bên ký sau, nội dung này không có trong thỏa thuận của hợp đồng nên không đúng pháp luật. Điều 3 của hợp đồng quy định sau 03 ngày ký hợp đồng mới giao hàng nhưng sau 01 ngày phía nguyên đơn đã giao hàng, thỏa thuận trước khi nguyên đơn giao hàng phía bị đơn phải chuyển tiền nhưng bị đơn chưa chuyển tiền nguyên đơn đã giao hàng. Phía Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ có thông báo thay đổi con dấu, mẫu dấu và người đại diện, đề nghị Hội đồng xét xử trung cầu giám định xác định con dấu của phía nguyên đơn đóng trên hợp đồng số 02 và

các biên bản đối chiếu có đúng con dấu có hiệu lực của công ty tại các thời điểm không. Đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm, xem xét lại toàn bộ vụ án triệu tập đầy đủ các nhân chứng, trung cầu giám định con dấu của hai công ty đóng trên hợp đồng số 02 và các biên bản đối chiếu công nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Hợp đồng kinh tế số 02 ngày 02/01/2014 hai bên đã ký đúng pháp luật không vi phạm. Bị đơn cho rằng hợp đồng không ký tại Tuyên Quang, không có chữ ký tươi, thực tế hai người đại diện theo pháp luật không cần gặp nhau chỉ cần ý chí, chữ ký, con dấu, chữ ký khắc dấu được đóng trên các văn bản theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 3 của hợp đồng về thời gian giao hàng và phiếu giao hàng có chữ ký xác nhận (do giao hàng ở công trường không có dấu đóng xác nhận, chỉ có chữ ký người nhận). Phía bị đơn không lưu giữ tài liệu chứng từ là lỗi của bị đơn nhưng nguyên đơn đã sao gửi cho bị đơn tại tòa án cấp sơ thẩm. Từ năm 2014 đến năm 2016 hai công ty đã tiến hành lập biên bản đối chiếu công nợ 03 lần, khối lượng hàng hóa và số tiền bị đơn còn nợ hai bên thống nhất không tranh chấp. Tại tòa án cấp sơ thẩm phía bị đơn và nguyên đơn đều đề nghị giám định chữ ký của bà Stai hợp đồng số 02 và tại biên bản đối chiếu công nợ, hình dấu của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT, dấu chức danh và họ tên của bà S. Tuy nhiên sau đó ông Hồ Văn Pngười đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định phía bị đơn có khắc dấu chữ ký của bà S và dấu tròn màu đỏ đóng trong hợp đồng kinh tế số 02 và biên bản đối chiếu công nợ năm 2016 là con dấu của công ty được sử dụng tại thời điểm đó, vì vậy cả hai công ty không đề nghị giám định nữa. Hàng hóa phía nguyên đơn bán cho phía bị đơn là đá các loại, địa điểm phía nguyên đơn giao hàng cho bị đơn tại huyện BT, Phú Thọ (có địa điểm ghi trên các phiếu giao hàng), để làm đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

P phía nguyên đơn đã thực hiện theo đúng hợp đồng giao hàng đầy đủ, đối chiếu khối lượng hàng hóa, lập biên bản đối chiếu công nợ (03 lần), hai bên không có tranh chấp về khối lượng, giá trị tiền hàng, phía nguyên đơn đã có nhiều văn bản đôn đốc việc trả nợ. Việc công ty bị đơn chậm trả tiền, kéo dài thời gian đã gây thiệt hại cho nguyên đơn vì vậy đề nghị tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo bị đơn Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2018/KDTM – ST ngày 12/10/2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” của Tòa án nhân dân thành phố W, tỉnh Tuyên Quang. Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT: Không đồng ý toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Xét thấy: Ngày 02/01/2014 Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ ký kết hợp đồng kinh tế số 02/2014/HĐKT - CT về mua bán hàng hóa đá vật liệu xây dựng và vận chuyển đá cho Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT; địa chỉ Xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình thực hiện hợp đồng các bên không có tranh chấp về việc giao nhận hàng, hai bên đã tiến hành lập các biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2014; ngày 31/12/2015 và ngày 31/8/2016; các biên bản đối chiếu công nợ đều thống nhất về số tiền còn nợ, không có tranh chấp. Tại biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng ngày 31/8/2016 xác nhận đến hết ngày 31/8/2016 Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT còn nợ Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ số tiền mua hàng là 511.574.000đ, các biên bản đối chiếu công nợ đã được bà Nguyễn Thị S giám đốc Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT ký xác nhận nợ. Phân chữ ký của bà Nguyễn Thị S trong hợp đồng và tại các biên bản đối chiếu công nợ đều được đóng dấu tròn (màu đỏ) của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT, hợp đồng kinh tế số 02/2014/HĐKT - CT cũng được đóng dấu giáp lai (dấu tròn màu đỏ) của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT lên các trang văn bản. Tại Tòa án cấp sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT thừa nhận Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT có khắc dấu chữ ký của bà S và chữ ký khắc dấu đó được phép sử dụng tại Công ty. Con dấu của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT (dấu tròn màu đỏ) tại thời điểm giao kết hợp đồng giữa hai bên và thời điểm lập biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/8/2016 là con dấu chính thức và hợp pháp, có giá trị pháp lý được thừa nhận. Đồng thời phía Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT cũng xác định không có mâu thuẫn về dấu chức danh và dấu họ tên của bà Strong các văn bản trên. Như vậy hợp đồng kinh tế số 02/2014/HĐKT - CT và biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/8/2016 giữa hai bên đã ký kết là hợp pháp có giá trị pháp lý do đó các bên có nghĩa vụ thực hiện.

Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT cho rằng có sự thay đổi về con dấu vào thời điểm ngày 25/7/2016 nhưng tại biên bản đối chiếu công nợ năm 2014 và năm 2015 lại sử dụng con dấu của năm 2016 nên cho rằng các bên tự hợp lý hóa với nhau về việc mua bán hóa đơn, thực tế không có việc mua bán hàng hóa. Xét thấy tại biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng vào ngày 31/8/2016 hai bên đã chốt nợ với nội dung: “Số tiền Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT còn nợ lại Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ đến hết 31/8/2016 là 511,574,000đ”. Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT đã thừa nhận dấu tròn đóng trên chữ ký của bà X tại biên bản đối chiếu công nợ năm 2016 là con dấu hợp pháp có giá trị pháp lý. Do đó Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ khởi kiện đòi số tiền Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT phải trả số tiền mua hàng còn nợ tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/8/2016 là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án phía Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT cho rằng hai bên ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa nhưng thực chất là mua bán hóa đơn giá trị gia tăng và Hợp đồng số 02/2014/HĐKT-CT ngày 02/01/2014 là giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo nhằm che dấu một giao dịch dân sự khác là mua bán hóa đơn. Do đó không có căn cứ để xác định hợp đồng số 02/2014/HĐKT-CT ngày 02/01/2014 là giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo nhằm che dấu một giao dịch khác theo quy định tại Điều 124 của Bộ luật dân sự.

Sau khi đối chiếu công nợ lần cuối (ngày 31/8/2016), đến ngày 28/11/2017 Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT đã chuyển trả cho Công ty CPLS và KS XT số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), bằng hình thức chuyển khoản nội dung thanh toán “TT tiền đá”. Như vậy việc Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT cho rằng đây là khoản tiền thanh toán mua hóa đơn là không có căn cứ.

Tại Điều 4 của Hợp đồng số 02/2014/HĐKT-CT ngày 02/01/2014 hai bên thỏa thuận: Nếu bên A không thanh toán cho bên B đúng thời hạn thì bên A sẽ phải thanh toán cả tiền lãi suất phạt quá hạn theo quy định về tính lãi suất tiền nợ quá hạn tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự và quy định của ngân hàng về lãi suất đối với khoản nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay kể từ ngày chậm trả đến khi trả hết tiền. Như vậy Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT phải chịu lãi suất chậm trả và lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Tại quyết định số 2868/QĐ ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm (0,75%/tháng) có hiệu lực từ ngày 01/12/2010, đến thời điểm xét xử sơ thẩm vẫn còn hiệu lực. Mức lãi suất chậm trả phía Công ty CPLS và KS XT yêu cầu phía Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT phải trả, phù hợp với mức lãi suất cơ bản của ngân hàng Nhà nước tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Mức lãi suất quá hạn hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng là 150% lãi suất cho vay, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc Công ty TNHH Tư

vấn xây dựng VT phải thanh toán cho Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ số tiền mua hàng còn nợ là 411.574.000đ và tiền lãi chậm trả bằng mức lãi suất cơ bản 0,75%/tháng x 150% là có căn cứ. Lãi xuất được tính:

- Xuất hàng ngày 26/01/2014 số tiền: 157.080.000đ x 0,75%/tháng x lãi suất quá hạn (150%) x 30 ngày (từ 27/02/2014 đến 27/3/2014) = 1.767.150đ

- Xuất hàng ngày 27/02/2014 số tiền: 94.180.000đ + số tiền còn nợ chưa thanh toán 157.080.000đ = 251.260.000đ x 0,75%/tháng x lãi suất quá hạn (150%) x 33 ngày (từ 28/3/2014 đến 30/4/2014) = 3.109.343đ

- Xuất hàng ngày 31/3/2014 số tiền: 223.970.000đ + số tiền còn nợ chưa thanh toán 251.260.000đ = 475.230.000đ x 0,75%/tháng x lãi suất quá hạn (150%) x 60 ngày (từ 01/5/2014 đến 30/6/2014) = 10.692.675đ

- Xuất hàng ngày 31/5/2014 số tiền: 36.344.000 + số tiền còn nợ chưa thanh toán 475.230.000đ = 511.574.000đ x 0,75%/tháng x lãi suất quá hạn (150%) x 1098 ngày (từ 01/7/2014 đến ngày 19/7/2017) = 210.640.595đ

Tổng tiền hàng chưa thanh toán là 511.574.000đ x 0,75%/tháng x lãi suất quá hạn (150%) x 127 ngày (từ 20/7/2017 đến 27/11/2017) = 24.363.712đ

Ngày 28/11/2017 đã thanh toán 100.000.000đ, số tiền hàng còn nợ là 411.574.000đ x 0,75%/tháng x lãi suất quá hạn (150%) x 314 ngày (từ 28/11/2017 đến 12/10/2018) = 48.462.838đ

Tổng số tiền lãi phải trả: 299.036.313đ. Tổng cộng số tiền Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT phải trả 710.610.313đ (làm tròn số 710.610.000đ), trong đó tiền mua hàng còn nợ là 411.574.000đ và tiền lãi là 299.036.000đ.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm phía bị đơn đề nghị triệu tập chị Nguyễn Thị Ngọc B là kế toán Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT và kế toán của Công ty Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ thời điểm năm 2014 đến năm 2016 đã ký các biên bản đối chiếu khối lượng hàng hóa; triệu tập các lái xe trở hàng đã ký tên vào các phiếu giao hàng đến phiên tòa với tư cách người làm chứng để làm rõ nội dung trong các biên bản đối chiếu khối lượng và xác định có hay không việc mua bán hàng hóa giữa hai bên. Xét thấy từ sau khi chấm dứt việc giao hàng giữa hai bên, Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ và Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT đã 03 lần lập biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2014; ngày 31/12/2015 và ngày 31/8/2016. Tại các lần đối chiếu hai bên đều thống nhất về khối lượng, trị giá tiền hàng đã mua bán không có tranh chấp, các biên bản đối chiếu công nợ đều có chữ ký xác nhận nợ của bà Nguyễn Thị S giám đốc và dấu đóng của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT. Do đó việc phía bị đơn yêu cầu triệu tập một số người làm chứng đến phiên tòa không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu của bị đơn đề nghị giám định mẫu dấu của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT và mẫu dấu của Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ đóng tại hợp đồng kinh tế số 02/2014/HĐKT - CT ngày 02/01/2014 và đóng tại các biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2014; ngày 31/12/2015 và ngày 31/8/2016 có

phải cùng một loại dấu không, lý do Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT thay đổi con dấu ngày 25/7/2016. Xét thấy quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại Tòa án cấp phúc thẩm phía bị đơn không cung cấp tài liệu chứng minh mẫu các con dấu của hai công ty có sự thay đổi và dấu đóng trên hợp đồng, biên bản đối chiếu công nợ không đúng thời điểm. Mặt khác tại lời khai BL 125, BL 161,162 người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT đã xác định “Hợp đồng số 02/2014/HĐKT - CT ngày 02/01/2014 là con dấu cũ” và “Con dấu tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/8/2016 là con dấu chính thức hợp pháp của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT”. Vì có xác định trên của phía bị đơn nên tại Tòa án cấp sơ thẩm cả hai bên đương sự đều rút yêu cầu đề nghị giám định. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu đề nghị giám định của phía bị đơn.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn, án phí là 32.424.412đ , làm tròn số 32.424.000đ (*Ba mươi hai triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng*).

Hoàn trả lại Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.825.200đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N⁰ 0004880 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QT.

[2] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468 Bộ luật dân sự; Các Điều 24; 50, 55; 87 của Luật thương mại.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng VT.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm như sau: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng TY có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ số tiền 710.610.000đ (*Bảy trăm, mười triệu sáu*

trăm mười nghìn đồng). Trong đó tiền mua hàng còn nợ là 411.574.000đ và tiền lãi là 299.036.000đ.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng TY còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng TY phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán là 32.424.000đ (*Ba mươi hai triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng*).

Hoàn trả lại Công ty CP Lâm sản và khoáng sản TQ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.825.200đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N⁰ 0004880 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QT.

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng TY phải chịu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số № 0000143, ngày 09/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QT. Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng TY đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 12/3/2019).

Trường hợp bản án Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố Tuyên Quang;
- Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hồ Loan

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố Tuyên Quang;
- Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hồ Loan

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Chương - Ma Hồng Thắng

Lưu Hồ Loan

